

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2022.

(V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đỗ Văn Hòa.

2/ Bà Lưu Thị Thôi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 323/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2021 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/01/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương N – sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Số 42B đường Âu Dương L, phường T, tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí C – sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Số 480 đường T, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại nội dung đơn kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị Phương N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Chí C tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Phan Thiết. Vợ chồng sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông C thường hay

có hành vi bạo lực, vợ chồng mạnh ai nấy sống khoảng 05 năm nay nhưng vẫn sống chung nhà, nhưng hai năm nay bà tự ra sống riêng, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- Về con chung: ông, bà có 03 con chung tên Nguyễn Trần Phúc T, sinh ngày 01/01/2001; Nguyễn Trần Phúc L, sinh ngày 01/01/2003 và Nguyễn Trần Phúc Đ, sinh ngày 02/01/2005. Các con Nguyễn Trần Phúc T, Nguyễn Trần Phúc L đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà tự nguyện giao con Nguyễn Trần Phúc Đ cho ông Nguyễn Chí C nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi cháu Đ 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N trình bày: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng; bà N, ông C không thể nào quay về chung sống được nữa, hiện nay tình cảm vợ chồng cũng không còn và đã tự sống xa nhau không ai quan tâm đến ai. Nay bà yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

*** Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Chí C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Phương N tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Phan Thiết. Vợ chồng sống với nhau cũng không tránh khỏi mâu thuẫn nhưng ông không muốn nói rõ ra. Ông thừa nhận hai vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống từ hai năm nay. Bà N đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, nhưng do ông là người theo đạo công giáo nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông, bà có 03 con chung tên Nguyễn Trần Phúc T, sinh ngày 01/01/2001; Nguyễn Trần Phúc L, sinh ngày 01/01/2003 và Nguyễn Trần Phúc Đ, sinh ngày 02/01/2005. Các con Nguyễn Trần Phúc T, Nguyễn Trần Phúc L đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đồng ý nuôi con Nguyễn Trần Phúc Đ, bà N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, ông không có ý kiến, bà N muốn cấp dưỡng hay không thì tùy bà N.

- Về tài sản chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

- Về nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông C trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận vợ chồng chung sống có quá nhiều mâu thuẫn nhưng ông không muốn trình bày. Bà N trình bày ông có hành vi bạo lực là không đúng, ông không đồng ý. Ông thừa nhận vợ chồng tự sống ly thân nhau 2 năm nay, mạnh ai nấy sống. Tại phiên tòa ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng ông không đồng ý ly hôn do ông theo đạo Công giáo.

Về con chung: Ông đồng ý trực tiếp nuôi cháu Đ, bà N cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ 3.000.000 đồng/tháng, ông cũng đồng ý. Riêng hai con T và L đã đủ tuổi trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của bà Trần Thị Phương N và ông Nguyễn Chí C là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào ngày 21/6/1999. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, khoảng 2 năm nay ông bà cũng đã sống xa nhau không ai quan tâm đến ai. Ông C, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Do đó: căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà N được ly hôn ông C.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Trần Phúc T, sinh ngày 01/01/2001; Nguyễn Trần Phúc L, sinh ngày 01/01/2003 và Nguyễn Trần Phúc Đ, sinh ngày 02/01/2005.

Ông C, bà N thỏa thuận sau khi ly hôn ông C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần Phúc Đ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự đề

ngợi Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng hai con chung Nguyễn Trần Phúc T và Nguyễn Trần Phúc L đều đã đủ tuổi trưởng thành nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

Về tiền cấp dưỡng: Bà N cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi và có khả năng lao động đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe các đương sự tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Bà Trần Thị Phương N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn là ông Nguyễn Chí C hiện cư trú tại số 480 đường T, thành phố Phan Thiết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân của bà Trần Thị Phương N và ông Nguyễn Chí C là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào ngày 21/6/1999.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông bà đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn cho nên vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Theo bà N trình bày ông C có vài lần bạo hành bà nhưng ông C không thừa nhận. Bản thân ông C thừa nhận, ông bà đã tự sống xa nhau không ai quan tâm đến ai khoảng 2 năm nay, mạnh ai nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn nữa nhưng do ông theo đạo công giáo nên ông không đồng ý ly hôn. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Trần Thị Phương N được ly hôn với ông Nguyễn Chí C.

*** Về con chung:** Bà N, ông C khai có 03 con chung tên Nguyễn Trần Phúc T, sinh ngày 01/01/2001; Nguyễn Trần Phúc L, sinh ngày 01/01/2003; Nguyễn Trần Phúc Đ, sinh ngày 02/01/2005. Sau khi ly hôn, ông C, bà N thỏa thuận giao con chung Nguyễn Trần Phúc Đ cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà N cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trần Phúc Đ cho ông C mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Trần Thị Phương N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Riêng hai con chung tên Nguyễn Trần Phúc T và Nguyễn Trần Phúc L đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

*** Về tài sản chung, nợ chung:** ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

*** Về án phí:** Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí về việc xin ly hôn và 300.000 đồng án phí về tiền cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Phương N được ly hôn ông Nguyễn Chí C.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Trần Phúc Đ (nam), sinh ngày 02/01/2005 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: bà N cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Trần Phúc Đ cho ông C mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được

xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Riêng hai con chung tên Nguyễn Trần Phúc T, sinh ngày 01/01/2001 và Nguyễn Trần Phúc L, sinh ngày 01/01/2003 đều đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Bà Trần Thị Phương N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về tiền cấp dưỡng nuôi con. Ngày 22/12/2021, bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0004172, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước. Bà N còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/01/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;
- Tòa án tỉnh Bình Thuận;
- UBND phường T, tp. Phan Thiết;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thái